

0.a. Goal

Mục tiêu 3: Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi

0.b. Target

Mục tiêu 3.5: Đến năm 2030, hàng năm tiếp tục kiểm chế và giảm tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí, số vụ, số người chết và số người bị thương (Mục tiêu 3.6 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 3.5.1. Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông

0.d. Series

Number of deaths rate due to road traffic injuries [3.6.1] SH_STA_TRAFN

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

Bộ Công an.

1.f. Contact mail

44 Yết Kiêu - Hoàn Kiếm - Hà Nội

2.a. Definition and concepts

Tai nạn giao thông là sự kiện bất ngờ, nằm ngoài ý muốn chủ quan của con người, xảy ra khi các đối tượng tham gia giao thông đang hoạt động trên đường giao thông công cộng, đường chuyên dùng hoặc ở các địa bàn giao thông công cộng (gọi là mạng lưới giao thông: Đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không), nhưng do chủ quan, vi phạm các quy tắc an toàn giao thông hoặc do gặp phải các tình huống, sự cố đột xuất không kịp phòng tránh, đã gây ra những thiệt hại nhất định cho tính mạng, sức khỏe con người hoặc tài sản.

Một lần hoặc nhiều lần va chạm liên tiếp giữa các đối tượng tham gia giao thông tại một địa điểm nhất định thì được gọi là một vụ tai nạn giao thông. Vụ tai nạn giao thông xảy ra đối với một hoặc nhiều đối tượng tham gia giao thông.

Tai nạn giao thông gây ra hậu quả làm thiệt hại về người và tài sản. Số người bị tai nạn giao thông gồm những người bị thương và chết do tai nạn giao thông gây ra.

Người chết do tai nạn giao thông gồm toàn bộ số người bị chết do các tai nạn giao thông gây ra.

Người bị thương là những người bị tổn thương về thể xác và tâm trí do ảnh hưởng trực tiếp của tai nạn giao thông, làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường. Những trường hợp bị sốc hoặc ảnh hưởng đến tâm trí do biến cố ảnh hưởng đến gia đình và bản thân không được tính là số người bị thương.

Số người bị thương do tai nạn giao thông gồm toàn bộ số người bị thương phải điều trị do tai nạn giao thông gây ra.

2.b. Unit of measure

Số lượng

2.c. Classifications

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

3.a. Data sources

Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

3.b. Data collection method

Theo quy định tại Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 ban hành Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia được ban hành theo, Bộ Công An chịu trách nhiệm thu thập biểu mẫu “002.H/BCB-CA-Tai nạn giao thông”. Kỳ báo cáo là tháng 6 tháng, năm. Định kỳ, Bộ Công An tổng hợp số liệu gửi về Tổng cục Thống kê. Theo quy định của Luật Thống kê, Tổng cục Thống kê có trách nhiệm thẩm định số liệu các chỉ tiêu thống kê quốc gia do Bộ Công An thực hiện và công bố thông tin.

3.d. Data release calendar

Năm

3.e. Data providers

Bộ Công an.

3.f. Data compilers

Bộ Công an.

4.a. Rationale

Chỉ tiêu phản ánh thực trạng, mức độ và hậu quả của tai nạn giao thông, làm căn cứ để cơ quan quản lý xây dựng chính sách tăng cường trật tự, an toàn giao thông và trật tự xã hội trong cả nước.

4.b. Comment and limitations

Số liệu từ Bộ Công an chỉ ghi nhận những ca tử vong tại chỗ do tai nạn giao thông, chưa phản ánh đầy đủ tất cả các trường hợp tử vong do tai nạn giao thông.

5. Data availability and disaggregation

- + Số liệu về tai nạn giao thông đường bộ có hàng năm từ 2010-2019
- + Số liệu về tai nạn giao thông đường sắt có hàng năm từ 2017- 2019
- + Số liệu về tai nạn giao thông đường thủy có hàng năm từ 2016-2019

(Nguồn công bố: Niên giám thống kê chỉ công bố số liệu chung về tai nạn giao thông; Bộ Công an báo cáo số liệu phân tổ theo loại đường và tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương).

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu tương ứng với chỉ tiêu toàn cầu SDG “3.6.1. Death rate due to road traffic injuries” (Tỷ lệ tử vong do tai nạn giao thông đường bộ).

So sánh chỉ tiêu quốc tế và Việt Nam

| | Chỉ tiêu quốc tế | Chỉ tiêu Việt Nam |
|------------------|--|---|
| Tên chỉ tiêu | Tỷ lệ tử vong do tai nạn giao thông đường bộ | Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông |
| Phương pháp tính | Tính số ca tử do tai nạn giao thông đường bộ gây chết người trên 100.000 dân | Tính số lượng: - vụ tai nạn giao thông - Người chết, bị thương do tai nạn giao thông - Người bị thương do tai nạn giao thông |
| Phân tổ | Phân tổ theo người sử dụng đường bộ, tuổi, giới tính, nhóm thu nhập và khu vực của WHO | - Loại tai nạn (đường bộ/đường |

| | | |
|--|--|---|
| | | sắt/đường thủy); - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. |
|--|--|---|

7. References and Documentation

- Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 ban hành Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia
- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>